

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HSST
Ngày: 22/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga và ông Võ Hồng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Huấn- Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2020/HSST, ngày 27/5/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS ngày 05/6/2020 đối với bị cáo:

Vương Đình T, sinh ngày 22/4/2002;

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vương Đình L và bà Đặng Thị H;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú;

Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Bà **Đỗ Thị L1**- sinh năm 1979, ông **Nguyễn Văn K**- sinh năm 1973 và anh **Nguyễn Văn D**- sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà **Đặng Thị H**- sinh năm 1979 và ông **Vương Đình L**- sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

** Những người làm chứng:*

- Cháu **Nguyễn Văn T1**- sinh ngày 16/10/2002.

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Nguyễn Thị X**- sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Nguyễn Đức H1**- sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do là hàng xóm với nhau nên Vương Đình T thường xuyên sang nhà bà Đỗ Thị L1 nhà ở đối diện nhà của T chơi với anh Nguyễn Văn D.

Khoảng 14 giờ ngày 03/4/2020 T đi bộ sang nhà bà L1, thấy cổng và cửa mở, T gọi nhưng không có ai nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T đi vào phòng của bà L1 ở tầng 01 nằm phía bên phải cầu thang, lật đệm trên giường thấy phía dưới có 01 ví da nam màu đen có tiền bên trong. T đã rút lấy 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ đút vào túi quần rồi để lại ví tiền vào chỗ cũ và đi ra ngoài, đi chơi quanh xóm. Đến chiều tối cùng ngày, T về nhà kiểm tra tiền thì đã bị rơi mất không biết ở đâu.

Tiếp đó khoảng 13 giờ ngày 09/4/2020, T lại đi sang nhà bà L1 chơi, T lên trên tầng hai chơi điện tử cùng anh D và anh Nguyễn Đức H1 người cùng xóm. Đến khoảng 14 giờ anh D ngủ tại giường còn anh H1 đi về. T lại nảy sinh ý định trộm cắp. T đi xuống phòng ngủ của bà L1, nhìn thấy ở gầm giường có 01 con lợn đất nung màu vàng đựng tiền tiết kiệm. T đi ra phòng khách lấy tấm vào khe ở khe đút tiền phía trên con lợn tiết kiệm và lấy được 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ. Lấy được tiền rồi, T để lại con lợn tiết kiệm vào vị trí cũ rồi tiếp tục lật đệm trên giường lấy tiền trong chiếc ví da lần trước 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ và 03 tờ tiền mệnh giá 500.000đ. Sau khi lấy được tiền T đặt lại ví da vào vị trí cũ rồi đi về. T đi đến quán của chị Nguyễn Thị X ở cùng thôn trả số tiền nợ cũ 350.000đ và mua nước mới 100.000đ, đến nhà và trả nợ cho cháu Nguyễn Văn T1 là bạn học ở cùng thôn 500.000đ, rồi lại quay lại quán chị X ngồi uống nước và mua đồ ăn vặt sau đó trả tiền rồi về nhà.

Ngày 10/4/2020, T đã kể với bố mẹ là ông L bà H về việc trộm cắp tiền của nhà bà L1. Ông L đã đưa T đến công an xã A trình báo và tự nguyện giao nộp số tiền còn lại là 700.000đ.

Về vật chứng: T tự nguyện giao nộp số tiền 700.000đ, bà L1 giao nộp con lợn đất đã bị đập vỡ để kiểm tra tiền cho công an huyện Nam Sách, đang chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: T đã cùng gia đình bồi thường cho gia đình bà L1 số tiền 4.200.000đ.

Bản Cáo trạng số 24/CT-VKS-NS ngày 26/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Vương Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Vương Đình T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử mức hình phạt nhẹ nhất, cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội để tiếp tục được đi học.

Người bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vương Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vương Đình T từ 06 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã A giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về vật chứng: Trả lại bị cáo Vương Đình T số tiền 700.000đ; Tịch thu tiêu hủy 01 con lợn đất đã bị vỡ. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ trong các ngày 03/4/2020 và 09/4/2020, tại nhà bà Đỗ Thị L1- ông Nguyễn Văn K tại thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương, bị cáo Vương Đình T có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt của bị hại bà L1, ông K và anh D 02 lần số tiền là 2.000.000đ và 2.200.000đ tổng là 4.200.000đ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của cá nhân, gây mất trật tự và ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi; đã 02 lần chiếm đoạt số tiền mỗi lần đều từ và trên 2.000.000đ, tổng là 4.200.000đ. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Bị cáo ở các thời điểm trong các ngày khác nhau đã 02 lần chiếm đoạt số tiền mỗi lần đều từ và trên 2.000.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo và gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bị cáo đầu thú khai báo về

hành vi phạm tội của mình với cơ quan công an huyện Nam Sách. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại thời điểm phạm tội bị cáo Vương Đình T chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; bị cáo hiện đang là học sinh lớp 12A Trường THPT Phan Bội Châu, huyện N. Do vậy, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, đang là học sinh, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà L1, ông K, anh D đã tự nguyện nhận lại số tiền 4.200.000đ do T cùng gia đình bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không phải giải quyết.

[8] Về vật chứng, biện pháp tư pháp: Số tiền 700.000đ mà Vương Đình T tự nguyện giao nộp là tiền của bị cáo nộp để giải quyết vụ án, do bị cáo và gia đình đã bồi thường cho bị hại xong, tại phiên tòa bị cáo xin lại số tiền trên nên cần trả lại cho bị cáo; 01 con lợn đất màu vàng bị vỡ do bà L giao nộp, nay không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với chị Nguyễn Thị X, cháu Nguyễn Văn T1 nhận tiền do T trả nợ, không biết nguồn gốc tiền. Do vậy, không đặt ra việc xử lý đối với chị X, cháu T1 là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vương Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vương Đình T **06 (Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/6/2020.

Giao bị cáo Vương Đình T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Vương Đình T số tiền 700.000đ; Tịch thu tiêu hủy 01 con lợn đất màu vàng bị vỡ.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Nam Sách với Công an huyện Nam Sách ngày 05/6/2020).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Vương Đình T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Vương Đình T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc bản án được niêm yết; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLVN liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Nam Sách;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Nam Sách;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

Nguyễn Trọng Bách